

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ

**CÁC YẾU TỐ VĂN HÓA VÀ VĂN MINH
TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG NƯỚC NGOÀI****FACTORS OF CULTURE AND CIVILIZATION
IN FOREIGN LANGUAGE TEACHING****NGUYỄN LÂN TRUNG****(PGS.TS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)****NGUYỄN THỊ LAN HƯỜNG****(PGS.TS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)**

Abstract: The cultural and civilizational values in foreign language education in terms of cross-culture aspect is at the center of interest of some foreign language teaching researchers in ULIS-VNU. The purpose of study is to form a new opinion in foreign language teaching and learning in its beginning stage. The input database is a table showing the contrast and comparison of culture between the mother tongue and the target language.

Key words: culture; civilization; foreign language.

Lịch sử phát triển của giáo học pháp ngoại ngữ đã trải qua nhiều thời kì khác nhau. Mỗi đường hướng đều xây dựng cho mình một hệ thống nguyên tắc chung, có tính đặc thù để bảo đảm đạt đến mục đích được xác định trước. Xét về nội dung mang ra giảng dạy, có hai khu vực là không thể thiếu được, đó là những yếu tố ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và những yếu tố văn hóa - văn minh được phản ánh qua ngôn ngữ. Chúng ta vẫn thường cho rằng ngôn ngữ là một sản phẩm đặc biệt mà một dân tộc, một cộng đồng người sáng tạo ra dần dần trong quá trình của mình và theo một thể giới quan riêng của mình. Vì vậy, không thể hình dung ngôn ngữ có thể tách riêng quá khứ và hiện tại của dân tộc ấy, tách rời cái xã hội mà nó đang sử dụng như một công cụ giao tiếp quan trọng nhất. Học sinh ngữ không phải chỉ là học một hệ thống các kĩ hiệu mới, mà thực tế là thâm nhập vào một thể giới mới, tiếp xúc với một nền văn hóa mới với những nét phổ quát của cộng đồng loài người và những đặc trưng riêng

cho một cộng đồng xã hội ít nhiều hạn hẹp. Vẫn biết là như vậy, nhưng nếu đi sâu vào nội dung văn hóa - văn minh (VH-VM) thì mỗi đường hướng giáo học pháp lại có những ưu tiên và các phương thức tiếp cận riêng của mình.

Nếu trong các phương pháp truyền thống, yếu tố VH-VM được chú trọng nhất là các hiểu biết kinh điển, đặc biệt là về lĩnh vực văn học, lịch sử, thì trong phương pháp nghe - nhìn của những năm 50, 60, các yếu tố VH-VM được lồng vào các tình huống giao tiếp để phản ánh những mặt khác nhau của cuộc sống hàng ngày (cách ăn mặc, ở tiệm ăn, đi du lịch, ...), còn trong đường hướng chức năng - giao tiếp đang thịnh hành ngày nay, các yếu tố VH-VM chủ yếu được phản ánh qua nhận định, qua cách nhìn hiện thực của những con người đang sống về quá khứ, hiện tại và tương lai của họ. Đó là cách tiếp cận có chiều sâu và coi trọng thực tế. Vậy trước hết chúng ta thử xem hai khái niệm VH và VM được quan niệm với những nét giống và khác biệt nhau như thế nào.

1. Về khái niệm văn hóa - văn minh

Nếu như văn hóa được định nghĩa như “Tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do nhân loại tạo ra trong đời sống lịch sử xã hội của mình, biểu hiện trình độ phát triển lịch sử của một xã hội”, thì văn minh thường được hiểu như “Tập hợp các tính chất chung cho các xã hội phát triển”. Đã từ lâu hai khái niệm này được các nhà sử học, triết học và xã hội học nghiên cứu như hai đối tượng có sự khác biệt khá rõ nét. Chúng có thể ở trong thể độc lập: một nền văn minh nhân loại duy nhất đối lập với các nền văn hóa quốc gia, hoặc kế tiếp nhau: văn hóa là sự khởi đầu, là mùa xuân của mọi nền văn minh, hoặc bổ khuyết cho nhau: văn hóa nhiều khi được dùng để chỉ những tiến bộ khoa học, trí tuệ, còn văn minh lại nghiêng sang mặt vật chất của đời sống con người, hoặc bao gồm lẫn nhau: văn hóa là tập hợp các giá trị tinh thần của một nền văn minh ... Nhưng gần đây quan niệm về khái niệm văn minh đã có nhiều thay đổi. Nếu như trước đây văn minh được hiểu như một khái niệm đối lập với tất cả những gì là dã man, man rợ, và giả định có nền văn minh này tiến hóa hơn, siêu việt hơn nền văn minh khác, hoặc chỉ quá trình tiến hóa của loài người tới một trình độ cao chưa từng thấy, thì ngày nay các nhà xã hội học và dân tộc học có xu hướng hiểu khái niệm này như một tập hợp các tính chất đặc thù cho một xã hội nhất định. Và như vậy, văn minh không còn ở số ít nữa mà mang số nhiều; mọi hình thái xã hội con người, trong không gian và thời gian, đều ngang bằng nhau, và là đối tượng nghiên cứu riêng biệt. Như vậy hai khái niệm văn hóa và văn minh được hiểu đồng nghĩa với nhau, và đó cũng là ý nghĩa mà các nhà giáo học pháp ngoại ngữ ngày càng có xu hướng chấp nhận, mặc dù trên thực tế việc dùng thuật ngữ văn minh trong giảng dạy ngoại ngữ có những bất tiện nhất định (Nó vẫn hàm chỉ sự phân biệt, kì

thị cái văn minh và chưa văn minh, mà chúng ta thì muốn nói đến cả nền văn minh của các dân tộc chưa phát triển).

2. Các nội dung văn hóa - văn minh cần cho giảng dạy ngoại ngữ

Khi một người học ngoại ngữ, họ liên tục phải tiếp xúc với thực tế mới mẻ của nền VH-VM thuộc ngôn ngữ mà họ đang học. Thực tế chỉ cho thấy, để có khả năng giao tiếp ngoại ngữ, hệ thống từ vựng - ngữ pháp là không đủ. Vậy mà xưa nay giảng dạy ngoại ngữ lại quá thiên về việc bằng mọi cách cho người học lĩnh hội hệ thống này. Hơn nữa, người học trong một chừng mực nào đấy có thể tự trau dồi vốn từ vựng cũng như các cấu trúc ngữ pháp. Cái cần được chỉ dẫn hơn chính là các yếu tố VH-VM nằm bên trong và bên ngoài ngôn ngữ. Sự kém hiểu biết về các yếu tố VH-VM có ảnh hưởng quan trọng tới quá trình giao tiếp.

2.1. Trước hết phải nói đến các yếu tố VH-VM nằm trong ngôn ngữ. Người học ngoại ngữ phải luôn tâm niệm được rằng ngoại ngữ thực sự là một chìa khóa mở sang những vùng hiểu biết mới. Các nhà soạn sách sinh ngữ gần đây đã thực sự quan tâm tới vấn đề này. Bên cạnh những yếu tố lịch sử, địa lí và đặc biệt là văn học được sử dụng làm ngữ liệu học tiếng, họ quan tâm nhiều hơn đến những yếu tố của cuộc sống hiện tại, đời sống xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa. Nếu như ở giai đoạn cơ sở, xu hướng chung là tập trung vào các tình huống của đời thường, gắn liền với các hành động lời nói cơ bản, thì ở giai đoạn đề cao, các yếu tố VH-VM được giới thiệu thành các chủ đề bao quát hơn, có tính hệ thống hơn. Một bên tập trung vào cuộc sống vật chất, bên kia tập trung vào hoạt động tinh thần của con người. Định hướng cho việc giới thiệu các yếu tố VH-VM trong giảng dạy ngoại ngữ, theo chúng tôi cần được xuất phát từ việc nghiên cứu, so sánh hiện thực hai đất nước. Nếu các sách ngoại ngữ do các

tác giả bản ngữ viết, không có đối tượng là các quốc gia cụ thể nào sử dụng, không làm được việc này thì nhiệm vụ của các giáo viên ngoại ngữ lại càng nặng nề hơn.

Các nước còn chưa thật phát triển như Việt Nam, học ngoại ngữ chưa phải phần đông là để sang sống và làm việc tại các nước đó, mà là để giao tiếp trong công việc với các đoàn nước ngoài đến đất nước hoặc để tự tham khảo tài liệu bồi bổ cho kiến thức riêng của mình. Vì vậy, bên cạnh việc hiểu được những gì bạn nói với các yếu tố VH-VM chứa đựng trong đó, chúng ta còn cần có khả năng biểu đạt hiện thực của bản thân mình, của ngành mình, của đất nước mình. Tất nhiên khối lượng và mức độ trình bày hai hiện thực đó cần được cân nhắc kĩ. Một liều lượng thái quá, dù bên này hay bên kia, đều sẽ không đạt được hiệu quả mong muốn.

2.2. Nếu như các yếu tố VH-VM nằm trong ngôn ngữ được mang ra dạy là một việc hiển nhiên, được thực hiện tương đối có hệ thống và dễ dàng, thì việc giảng dạy các yếu tố “cần thiết cho quá trình giao tiếp, và nằm bên ngoài các từ ngữ, các cấu trúc ngữ pháp” lại là một vấn đề chưa được quan tâm thích đáng. Các yếu tố đó bao gồm: 1) Các hệ thống tín hiệu, hệ thống giao tiếp ngoài ngôn ngữ; 2) Các chuẩn mực xã hội liên quan đến giao tiếp; 3) Hệ thống các biểu tượng, biểu trưng.

2.2.1. Chúng ta đều biết trong giao tiếp, mỗi dân tộc đều hình thành một số mã “phi ngôn ngữ” nhất định. Những yếu tố này thường đi cùng với giao tiếp ngôn ngữ, nhưng cũng có thể sử dụng độc lập.

Người học ngoại ngữ sẽ gặp khó khăn trong giao tiếp khi không nắm được hệ thống này. Chẳng hạn khi người Pháp lấy ngón tay trỏ đặt vào dưới đuôi mắt và kéo nhẹ đuôi mắt xuống là họ muốn biểu thị ý nghĩa “không tin”, một người Âu đứng bên vệ đường giơ ngón tay cái lên là họ muốn nhờ đi ô tô. Tùy theo các dân tộc khi gặt đầu có ý

nghĩa là đồng ý hay không đồng ý và ngược lại khi lắc đầu có ý nghĩa là không đồng ý hoặc đồng ý, dùng các loại hoa và màu hoa khác nhau có các ý nghĩa giao tiếp khác nhau ... Các yếu tố VH-VM này thường ít được quan tâm đúng mức trong giảng dạy ngoại ngữ.

2.2.2. Các chuẩn mực xã hội liên quan đến giao tiếp mà chúng ta thường gọi là phép xã giao ngày càng được chú ý hơn trong các giáo trình ngoại ngữ hoặc các tài liệu bổ trợ khác. Đây là các qui tắc tiềm ẩn được hình thành trong quá trình giao tiếp của các thành viên một xã hội, một cộng đồng.

Ngay trong một quốc gia, những chuẩn mực này cũng có thể đã thay đổi. Nếu như người Việt Nam khi gặp nhau lấy cái bắt tay để biểu hiện ý giao tiếp, thì ở Thái Lan, Campuchia hai bàn tay chắp lại trước ngực lại là thể hiện câu chào. ở Pháp cũng như nhiều nước Tây Âu khác, hình thức hôn má là thông dụng nhất. Tuy nhiên số lượng lần hôn không giống nhau: Thường thì người ta hôn mỗi bên má một lần, nhưng ở Paris người dân thường chào nhau bằng ba bốn lần hôn má. Khi giao tiếp, cự li cách xa nhau, mức độ nói to nhỏ, im lặng hay phát ngôn, khua tay hay khoanh tay, mắt nhìn vào đâu..., tất cả các yếu tố VH-VM đó không phải hoàn toàn giống nhau ở các dân tộc. Khi mới gặp nhau, người châu Á thường hay nhường lời cho người kia nói trước, đó chính là biểu hiện sự tôn trọng, thiện tình, nhưng trong xã hội phương Tây đó quả thực là biểu hiện của sự lạnh nhạt, nặng nề. Đó là một vài ví dụ cho phép giao tiếp xã hội mà giảng dạy ngoại ngữ không thể bỏ qua được.

2.2.3. Hệ thống các biểu tượng, biểu trưng được hiểu ở đây là tập hợp các hình ảnh có nguồn gốc văn hóa được gắn với từ hay cụm từ. Cách nhìn khác biệt nhau của từng cộng đồng người với vạn vật trong thiên nhiên, xã hội sẽ dẫn đến việc gán những tính chất này kia cho các vật thể khác nhau. Thử lấy một ví dụ so sánh việc biểu

đạt trong tiếng Việt và tiếng Pháp hay tiếng Anh về những tính cách, phẩm chất cũng như thể chất của con người. Người Việt Nam nói: “*Đẹp như tiên*”, người Pháp nói: “*Đẹp như Thượng đế*”, người Việt Nam nói: “*Khỏe như trâu, hoặc như voi*”, người Pháp nói: “*Khỏe như dân Thổ*”, người Việt nói: “*Lười như hủ*”, người Pháp nói: “*Lười như con rắn nước*”, người Việt nói: “*Ốm quặt quẹo*”, người Pháp nói: “*Ốm như một con chó*”, v.v... Cùng một hình tượng con bò, người Việt cho thấy biểu tượng của sự ngu ngốc, đần độn, nên mới có câu “*ngu như bò*”, còn người Pháp lại cho bò là biểu tượng của sự chán ngán, buồn tẻ, nên khi người Pháp nói “*C’est la vache*” (đó là con bò) thì có nghĩa là: “*Sao lại ngao ngán đến thế!*”. Hoặc lấy hình ảnh con “*cú mèo*”, với người Việt “*cú*” là một con vật không đẹp để gì, nên mới có câu thành ngữ “*Hôi như cú*”, “*Mất như cú vọ*”, ngược lại người Pháp lại thấy ở con vật này mặt tích cực, khi người Pháp nói: “*C’est chouette!*” (cú đấy) có nghĩa là “*đẹp quá*”. Hình ảnh mặt trăng cũng là một ví dụ điển hình. Với người Việt đó là “*Chị Hằng hiền dịu*”, là hình ảnh các cô gái “*khuôn trăng đầy đặn*”, là nguồn cảm hứng của thơ ca “*nhân hướng song tuyến khán minh nguyệt*”... Vậy mà “*mặt trăng*” lại mang những nét nghĩa “*tiêu cực*” trong tiếng Pháp: họ nói “*ngu độn như mặt trăng*”. Hay trong tiếng Việt và tiếng Anh cũng rất nhiều sự khác biệt. Tiếng Việt nói “*Ngáy như sấm*”, tiếng Anh nói “*Chở lợn đến chợ*”, tiếng Việt nói “*Chở củi về rừng*”, tiếng Anh nói “*Chở than về lâu đài*”; tiếng Việt nói “*Lười như hủ*”, tiếng Anh nói “*Lười như con chó Ludlam*”, tiếng Việt nói “*Thất lưng buộc bụng*”, tiếng Anh nói “*Thất cổ mèo*”... Cả một kho ví dụ có thể lấy trong các ngôn ngữ khác nữa cho chúng ta thấy một sự khác biệt trong cách nhìn thế giới vật chất và tâm linh giữa các cộng đồng người có thể dẫn tới những sự suy phỏng, những cách giải thích sai lệch các thông điệp trong giao tiếp bằng

tiếng nước ngoài. Quá trình dạy và học ngoại ngữ chính vì vậy không thể xem nhẹ mặt văn hóa này của ngôn ngữ.

3. Giảng dạy các yếu tố văn hóa - văn minh trong quá trình dạy tiếng nước ngoài Như những điều vừa phân tích trên đây, ngôn ngữ chứa đựng các yếu tố văn hóa, vì vậy ngôn ngữ mang ra dạy cũng phải được chọn lọc để có thể mang được những yếu tố tiêu biểu, gây hứng thú với người học ngoại ngữ: người học khi làm quen với một ngôn ngữ mới luôn chờ đón được phát hiện ra những điều mới mẻ trong một thế giới mới mẻ với hiểu biết của họ.

Phải nói rằng sự lựa chọn các nội dung VH-VM mang ra giảng dạy phụ thuộc vào định hướng chung và thời gian cho phép. Thông thường, sự định hướng dẫn ta đến việc giảng dạy một thứ tiếng chuyên biệt nào đó (Ví dụ tiếng Anh du lịch, tiếng Nhật thương mại, tiếng Đức ngân hàng, tiếng Nga khoa học kỹ thuật, tiếng Trung Quốc văn học, tiếng Pháp y học, ...). Nhưng cái mà đa số giáo viên dạy tiếng đang mong đợi chính là việc giảng dạy các yếu tố VH-VM trong một ngôn ngữ thông thường, không chuyên biệt. Chính vì vậy cần phải phân biệt giữa hai phương thức trình bày các yếu tố VH-VM. Vấn đề không phải là có những bài thuyết trình đồ sộ, một bảng tổng kết sẵn có về xã hội đương đại như chúng ta vẫn làm từ trước đến nay, mà thực ra bảng tổng kết đó đâu có tồn tại, hoặc nếu có tồn tại thì thực tế trong đó đã bị sai lệch đi rất nhiều. Thà rằng chúng ta khai thác một tuần báo nước ngoài một cách có hệ thống còn hơn những loại sách giáo khoa kiểu này, những sách giáo khoa mà các yếu tố VH-VM được trình bày thành chương mục về lịch sử, địa lí, văn học, nghệ thuật, ... Xưa nay chúng ta thường có quan niệm sai lệch về khái niệm văn minh, cho nó phải đồng nghĩa với những gì to lớn, vĩ đại về lịch sử văn hóa, mỹ thuật, tư tưởng, hoặc những nét thần bí nhất, kì dị nhất của một dân tộc, hoặc nữa là về mức độ phát

triển cao nhất của lịch sử xã hội loài người. Vì vậy bài dạy ngoại ngữ chỉ được coi là đưa được vào những yếu tố VH-VM khi nó nói được những điều gì to lớn, vĩ đại nhất của đất nước ấy. Có lẽ ở đây cũng cần phải nhắc lại lời của một nhà giáo học pháp Pháp, Francis Debysse: “Một cái nôi giản dị cũng là một sản phẩm VH-VM như một bản xô-nát của Beethoven”.

Khó khăn chính trong việc giảng dạy các yếu tố VH-VM chính là ở chỗ: một đất nước với những con người của nó là một tổng thể quá phức tạp, không thể đề cập tới được với chỉ một mục đích riêng biệt nào đó. Vậy nếu không có một giải pháp cho tổng thể, chúng ta cũng có thể và nên đưa ra những quan niệm có tính nguyên tắc phần nào giúp chúng ta định hướng vấn đề. Theo chúng tôi, đó là những nguyên tắc sau:

- Đứng trước một yếu tố VH-VM, nên đi tìm sự nhất quán của nó thông qua trăm ngàn các biểu hiện, sự kiện, hơn là trình bày nó trong chiều dài thời gian (ví dụ tính khắc kỷ của một cộng đồng người, một dân tộc được thể hiện ra ở những điểm gì, hơn là thể hiện ra qua các thời đại).

- Các yếu tố VH-VM nên được trình bày theo quan điểm miêu tả hơn là theo các chuẩn mực hoặc theo cách tô hồng. Cái nhìn trung thực cốt lõi của thực tế sẽ tránh cho chúng ta bản khoản phải bôi nhọ hay tô hồng cho các sự kiện, sự việc.

- Cái cần được nêu là các đặc trưng chứ không phải sự hiếu kỳ. Sẽ phạm sai lầm nếu chúng ta cố tình đưa ra một sự kiện, cho dù thật kỳ dị, thần bí nhưng là cá biệt để coi là nét văn hóa của một dân tộc.

- Điều thú vị và cần thiết không phải là trình bày các yếu tố mà là minh tỏ các yếu tố đó bằng suy nghĩ của những con người cụ thể, bằng phản ứng với tất cả hiểu biết và kinh nghiệm sống của họ trước một hiện tượng, sự vật nào đó.

- Những yếu tố VH-VM thuộc cuộc sống thực tế, cụ thể hàng ngày cần được chú trọng

trong một đường hướng chức năng - giao tiếp. Tất nhiên cần phân biệt hai giai đoạn. Giai đoạn cơ sở, đó là những yếu tố tản mạn: quán cà phê, cảnh sát, trẻ nghỉ học ngày thứ 5 ...; còn giai đoạn đề cao, các yếu tố VH-VM cần được sắp xếp theo những hệ thống nhất định, bao quát hơn, đặc trưng hơn.

- Tuy chú trọng đến đời thường, đến cuộc sống hiện tại, nhưng quá khứ và di sản vẫn có một vai trò quan trọng trong giảng dạy VH-VM: châu Âu hôm nay với những nhà cao ốc, đường cao tốc, siêu thị ... không phải là những cái duy nhất cần mang ra xem xét. Quá khứ vẫn tồn tại và có mặt trong cuộc sống hôm nay cũng như các yếu tố đương đại khác. Các yếu tố lịch sử cũng vậy: những hiện tượng lịch sử, sự kiện lịch sử, theo quan điểm giảng dạy ngoại ngữ hôm nay, không quan trọng bằng những suy nghĩ, nhận định của người dân hôm qua, và đặc biệt là hôm nay về hiện thực lịch sử đó.

Từ những quan điểm có tính nguyên tắc trên đây đến việc thực hành cụ thể lựa chọn các yếu tố VH-VM trong bài giảng ngoại ngữ là cả một chặng đường, mà chỉ có người đứng lớp cụ thể, trước một đối tượng cụ thể, với những mục đích cần đạt được cụ thể, mới có khả năng tìm được ra con đường tối ưu.

4. Tiến tới một đường hướng giảng dạy ngoại ngữ mà nội dung dựa trên một năng lực giao thoa văn hóa

Lịch sử phát triển của giáo học pháp ngoại ngữ cho ta thấy, bất kỳ một phương pháp, một đường hướng nào khi được xây dựng lên đều phải lấy cơ sở là sự lựa chọn một nội dung ưu tiên nào đó.

Các phương pháp truyền thống chủ yếu dựa trên hệ thống chủ điểm. Các phương pháp nghe - nhìn dựa trên bảng từ và cấu trúc tối thiểu, các đường hướng chức năng -giao tiếp dựa trên các hành động lời nói và các phương thức giao tiếp. Mỗi phương pháp với một nội dung làm nền tảng đều có những ưu điểm của nó. Tuy nhiên xét cho cùng, quá trình làm chủ một ngoại ngữ là xuất phát từ

khả năng ngôn ngữ và kinh nghiệm sống của con người, của chủ thể đang thuộc về một cộng đồng nào đó, cho phép chủ thể đó lĩnh hội và tạo lập những thói quen mới về khả năng ngôn ngữ để có thể từng bước du nhập về tinh thần vào một thực thể mới, với mục đích cuối cùng là hiểu được người khác và làm cho người khác hiểu mình, cả trong thực tế mình đang sống và thực tế mà mình mới tiếp cận. Trên quan điểm đó, đường hướng chức năng - giao tiếp tỏ ra hữu hiệu và có vai trò chủ đạo nhất. Tuy nhiên, việc chưa chú ý thích đáng đến mặt VH-VM của các ngữ liệu đưa ra đã làm cho các tình huống giảng dạy nghèo nàn đi, mất hứng thú, mất cái mặt nội dung nhân bản của nó mà chỉ còn để lại một loạt chức năng khô cứng và gượng ép. Chúng ta đã quá thiên về mặt sử dụng của ngôn ngữ mà bỏ qua mặt tâm linh và văn hóa của hoạt động ngôn ngữ.

Đã đến lúc phải xem xét lại giá trị văn hóa - giáo dục trong giảng dạy tiếng nước ngoài và góc độ "giao thoa" văn hóa của nó. Trên thực tế, một nền giảng dạy ngoại ngữ dựa trên các yếu tố được so sánh giữa VH-VM giữa các dân tộc là phương thức quý giá giúp người học có một cái nhìn mở ra bên ngoài, là nguồn cảm hứng, là cơ hội thực thụ thực hành ngôn ngữ khi người học biểu đạt cái tương đồng cũng như cái khác biệt trong hai thực thể văn hóa, biểu đạt với suy nghĩ và cảm xúc thực sự của mình. Đây là công việc đang theo đuổi của nhóm nhà khoa học thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHQGHN) về một xuất phát điểm giáo học pháp cho việc giảng dạy ngoại ngữ cho trẻ em đầu cấp. Mục đích trước mắt của nhóm các nhà nghiên cứu là thông qua các đối chiếu VH-VM của nước ngoài và Việt Nam để định ra bảng liệt kê những yếu tố VH-VM được ưu tiên đưa vào giảng dạy, vì đó là những yếu tố đặc trưng cho sự tương đồng và khác biệt giữa hai nền văn hóa, những yếu tố phù hợp với trình độ nhận thức của lứa tuổi và là những yếu tố có

khả năng huy động được một cách không gượng ép những hoạt động lời nói thông dụng nhất và những yếu tố ngôn ngữ cơ bản nhất. Kết quả ban đầu là khả quan và chúng tôi muốn được các bạn đồng nghiệp quan tâm cùng góp chung tiếng nói giúp đỡ cả về mặt lý luận cũng như là thực tiễn cho nghiên cứu của chúng tôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Beacco J.-C. (2000), *Les dimensions culturelles des enseignements de la langue*, Hachette, Coll. References, Paris.
2. Galisson R. (1993), *De la langue à la culture par les mots*, CLE international.
3. Tardieu C. (2008), *La didactique des langues en 4 mots-clefs: communication, culture, méthodologie, évaluation*, Ellipses, Edition Marketing, Paris.
4. Zarete G. (1986), *Enseigner une culture étrangère*, Hachette, Coll. F, Paris.

XIN ĐƯỢC GHI NHẬN

- Bài viết "Đặc điểm cấu tạo từ ngữ nghề biển Thanh - Nghệ Tĩnh" của PGS.TS Hoàng Trọng Canh, đăng trên *Ngôn ngữ & đời sống*, số 1 (219), 2014 xin được ghi nhận là: * *Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số VII2.2 -2011.01.*

- Các bài viết của GS.TS Lê Quang Thiêm:

+ "Về hai cặp chiều hướng phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ sau 1945" đăng trên *Ngôn ngữ & đời sống*, số 3(161)-2009

+ "Biến đổi trong tiếp nhận và hội nhập của hệ thuật ngữ tiếng Việt" đăng trên *Ngôn ngữ & đời sống*, số 9(191)-2011

+ "Một vài luận ngữ nghĩa học tổng quát của tiếng Việt liên hệ với khái niệm tiếng" đăng trên *Ngôn ngữ & đời sống*, số 4(198)-2012

+ "Về các cấp hệ phân tích nghĩa từ vựng (bao hàm tầng nghĩa trí tuệ - nghĩa của thuật ngữ)" đăng trên *Ngôn ngữ & đời sống*, số 2(220)-2014

xin được ghi nhận là * *Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số VII2.9-2011.07.*

- Bài viết "Khảo lược về một vài trường phái thuật ngữ học" của TS Đỗ Thúy Nhung, đăng trên *Ngôn ngữ & đời sống*, số 1+2(207+208)-2013 xin được ghi nhận là: * *Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số VII2.9-2011.07.*